

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**
Bản án số: 65/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22/4/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thái Linh, ông Bùi Văn Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hà Thị Vân Nga, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà [Dương Thị Thanh H](#), Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 167/2024/TLST-HNGĐ, ngày 07/10/2024 về việc “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐ-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025;

- Nguyên đơn: Chị [Võ Thị H1](#), sinh năm 1988; địa chỉ: [Số C, ngõ B, đường N, phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh](#), có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh [Phạm Văn D](#), sinh năm 1987; NĐHK trước khi xuất cảnh: [Thôn I, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#). Hiện đang lao động tại Nhật Bản, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai có tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị [Võ Thị H1](#) trình bày:

- Về hôn nhân: Chị [Võ Thị H1](#) và anh [Phạm Văn D](#) đăng ký kết hôn với nhau ngày 22 tháng 12 năm 2009 tại [Ủy ban nhân dân xã T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh](#) trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống chung với nhau tại nhà bố mẹ đẻ chị [H1](#). Tình cảm vợ chồng hòa thuận được khoảng 07 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống gia đình cũng như về kinh tế. Năm 2017, anh [D](#) đi xuất khẩu lao động ở Nhật Bản; thời gian đầu, sau khi anh [D](#) đi nước ngoài, vợ chồng vẫn liên lạc với nhau, đến năm 2018, chị [H1](#) đi xuất khẩu lao động ở Đài Loan. Do tình cảm giữa vợ chồng đã rạn nứt từ trước

cùng với việc khoảng cách sống xa nhau nên tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, mâu thuẫn không thể hòa giải, nên năm 2019, vợ chồng đã hoàn toàn cắt đứt liên lạc. Hiện tại, chị [H1](#) xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã hết sức trầm trọng, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được. Vì vậy, chị [H1](#) đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh [Phạm Văn D](#).

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung: [Phạm Võ Phương V](#), sinh ngày 31/8/2011 và [Phạm Duy A](#), sinh ngày 20/9/2016. Nguyên vọng của chị [H1](#) khi ly hôn là đề nghị Tòa án giao con chung [Phạm Võ Phương V](#) cho chị [H1](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao con chung [Phạm Duy A](#) cho anh [Phạm Văn D](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian chị [H1](#) và anh [D](#) không có mặt tại Việt Nam, chị [H1](#) thống nhất giao cháu [V](#) cho bố mẹ đẻ chị [H1](#) là ông bà [Võ Tá T](#) và [Trương Thị T1](#); địa chỉ: [Số C, ngõ B, đường N, phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh](#) và giao cháu [Phạm Duy A](#) cho bố mẹ đẻ anh [D](#) là ông [Phạm T2](#) và bà [Nguyễn Thị T3](#), địa chỉ: [Thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh](#) thay mặt chị [H1](#), anh [D](#) chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị [Võ Thị H1](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh [Phạm Văn D](#) do đang xuất khẩu lao động ở Nhật Bản, chị [H1](#) đã lâu không liên lạc nên không nắm rõ được địa chỉ cụ thể của anh [D](#). Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương và gia đình anh [D](#) nhưng chính quyền địa phương cũng như gia đình anh [D](#) đều không nắm rõ được địa chỉ cụ thể của anh [D](#). Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã thực hiện thủ tục đăng tin trên [D](#) theo quy định đề thông báo cho anh [D](#) biết các thông tin vụ án cũng như thời gian làm việc. Tuy nhiên, đến nay, anh [D](#) vẫn không có mặt để làm việc trình bày quan điểm tại Tòa án.

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên toà hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 37, 48, 49, 51, 196, 227, 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền trình tự thủ tục thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Nguyên đơn đã cung cấp đầy đủ kịp thời chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án và đã có đầy đủ lời khai tại hồ sơ. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng, yêu cầu trình bày quan điểm về nội dung khởi kiện của nguyên đơn; thông báo trên [V1](#) về việc chị [H1](#) nộp đơn khởi kiện gửi tài liệu, chứng cứ, trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án nhưng không thực hiện

- Về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464, 469 BLTTDS; khoản 1 Điều 51, 56, 57, 123 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán TAND tối

cao; Điều 143, khoản 4 Điều 147 BLTTDS năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

- Cho chị Võ Thị H1 được ly hôn anh Phạm Văn D.

- Về con chung: Giao con chung cháu Phạm Võ Phương V cho chị H1 được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, trong thời gian chị H1 đang ở nước ngoài giao cháu Phương V cho ông Võ Tá T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi chị H1 về nước. Giao cháu Phạm Duy A cho anh D được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, trong thời gian anh D ở nước ngoài giao cháu Duy A cho ông Phạm T2 được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi anh D về nước. Anh D, chị H1 không phải nộp tiền cấp dưỡng nuôi con, cả hai được phép thăm con chung không được ai ngăn cấm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn chị Võ Thị H1 khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn và giải quyết vấn đề nuôi con; anh Phạm Văn D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn D, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh. Tại thời điểm thụ lý vụ án, anh Phạm Văn D đang xuất khẩu lao động tại Nhật Bản theo xác nhận tại Công văn số 1088/ QLXNC-Đ1 ngày 25/10/2024 của Phòng Q Công an tỉnh H nên việc Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án do điều kiện công việc nên chị H1 yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình xét xử và ủy quyền cho mẹ đẻ là bà Trương Thị T1; địa chỉ: số C, ngõ B, đường N, phường T, tp H, tỉnh Hà Tĩnh giao nhận văn bản, tài liệu của Tòa án. Đối với anh Phạm Văn D, chị H1 đã cung cấp đúng đầy đủ nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh nhưng không cung cấp được địa chỉ cụ thể ở nước ngoài của anh D; tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, và gia đình anh D nhưng gia đình anh D cũng như chính quyền địa phương không cung cấp được địa chỉ; HĐXX xác định đây thuộc trường hợp cố tình dấu địa chỉ. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ- HĐTP ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị Võ Thị H1 và anh Phạm Văn D theo thủ tục chung.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Chị Võ Thị H1 và anh Phạm Văn D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không bị ai lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký đúng quy định của pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân

của anh chị là hợp pháp. Quá trình chung sống, chị [H1](#) khẳng định: Cuộc sống chung vợ chồng anh chị hòa thuận được khoảng 07 năm thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn và vợ chồng đã cắt đứt liên lạc từ năm 2019. Xét thấy, vợ chồng chị [H1](#) anh [D](#) đã không còn sống chung với nhau, ly thân từ năm 2019 đến nay nên việc duy trì hôn nhân giữa chị [H1](#) và anh [D](#) là không có ý nghĩa, do vậy, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận giải quyết cho chị [Võ Thị H1](#) và anh [Phạm Văn D](#) được ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 56, 123, 127 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về con chung*: Xét ý chí, nguyện vọng của chị [Võ Thị H1](#) trong việc phân chia trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét nguyện vọng xin được ở với bố - anh [Phạm Văn D](#) của cháu [Phạm Duy A](#), nguyện vọng được ở với mẹ- chị [Võ Thị Hoài C](#) cháu [Phạm Võ Phương V](#) là chính đáng. Xét điều kiện hoàn cảnh các cháu khi chị [H1](#), anh [D](#) đi xuất khẩu lao động đều được ông bà hai bên đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng đầy đủ, các cháu được ăn học, phát triển ổn định, cụ thể là cháu [Phương V](#) từ trước đến nay sinh sống với ông bà ngoại là bà [Trương Thị T1](#) và ông [Võ Tá T](#); cháu [Duy A](#) sinh sống với ông bà nội là ông [Phạm T2](#) và bà [Nguyễn Thị T3](#). Anh [Phạm Văn D](#) mặc dù không có ý kiến trình bày nhưng bố mẹ đẻ anh [D](#) là ông bà [Phạm T2](#)- [Nguyễn Thị T3](#) đã có đơn cam đoan sẽ chịu trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng cháu [Duy A](#) trong thời gian anh [D](#) không có mặt tại Việt Nam. Vì vậy, HĐXX nhận định cần thiết phải giao con chung [Phạm Võ Phương V](#) cho chị [Võ Thị H1](#) và giao con chung [Phạm Duy A](#) cho anh [Phạm Văn D](#) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Trong thời gian chị [H1](#) và anh [D](#) không có mặt tại Việt Nam, bố mẹ đẻ chị [H1](#) là ông [Võ Tất T4](#), bà [Trương Thị T1](#) chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu [Phương V](#) thay chị [H1](#); bố mẹ đẻ anh [D](#) là ông [Phạm T2](#), bà [Nguyễn Thị T3](#) chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu [Duy A](#) thay anh [D](#).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Xét đề nghị hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

[2.3] *Về tài sản chung*: Chị [H1](#) không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] *Về án phí*: Chị [Võ Thị H1](#) tự nguyện chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật

Vị các B tiến

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 227, Điều 273, Điều 469, 479 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57; các Điều 81, 82, 83, 123 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị [Võ Thị H1](#) được ly hôn anh [Phạm Văn D](#).

2. *Về con chung*: Giao con chung Phạm Võ Phương V, sinh ngày 31/8/2011 cho chị Võ Thị H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; giao con chung Phạm Duy A, sinh ngày 20/9/2016 cho anh Phạm Văn D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. (Ông Võ Tá T và bà Trương Thị T1 chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Võ Phương V trong thời gian chị H1 không có mặt tại Việt Nam; ông Phạm T2 và bà Nguyễn Thị T3 chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Duy A trong thời gian anh D không có mặt tại Việt Nam). Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. *Về tài sản chung*: Chị H1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Chị Võ Thị H1 tự nguyện nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Tính trừ cho chị H1 trong số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000071, ngày 04/10/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

5. *Về quyền kháng cáo*: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt bị đơn, vắng mặt nguyên đơn. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án (hoặc ngày niêm yết công khai bản án theo quy định pháp luật).

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THSDS tỉnh Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND phường Thạch Quý;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Lệ Thu